

Số: 4119/UBND-PC₁

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 6 năm 2019

Về việc đẩy mạnh triển khai
thực hiện các nhiệm vụ CCHC

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 202/TB-VPCP ngày 04/6/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính (CCHC) của Chính phủ tại Hội nghị công bố Chỉ số CCHC năm 2018 của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2018; Văn bản số 98/TB-VPCP ngày 18/3/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp tổng kết công tác CCHC năm 2018; Quyết định số 75/QĐ-BCĐCCHC ngày 24/4/2019 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ về kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ; để triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong thời gian tới, UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Tập trung chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh về kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và Kế hoạch số 431/KH-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về kế hoạch CCHC năm 2019 một cách đồng bộ, toàn diện trong đó tập trung các nhiệm vụ mang tính đột phá như: Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; cải cách thủ tục hành chính (TTHC) gắn với thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, trong đó thực hiện giải quyết TTHC theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, công bằng, bình đẳng, khách quan; công khai minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền, lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng, hiệu quả phục vụ của CBCCVC và các cơ quan hành chính nhà nước; kịp thời khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, đồng thời đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các địa phương nhận thức rõ trọng trách là người đứng đầu quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương, quán triệt sâu sắc tinh thần “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”; tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong các nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động đề ra các biện pháp, phân công trách nhiệm và nhiệm vụ theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình” cho các phòng, ban, đơn vị chủ trì, phối hợp và cho từng CBCCVC để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC hàng năm, giai đoạn theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Trong đó, cần đặc biệt quan tâm cải thiện các chỉ số nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần (gọi chung là nội dung) có điểm số thấp và thứ hạng chưa cao; đồng thời giữ vững và phát triển các nội dung được đánh giá thực hiện tốt trong kết quả PAR INDEX, SIPAS, PAPI năm 2018 thuộc lĩnh vực CCHC đơn vị mình phụ trách (*Có Phụ lục phân tích kết quả các chỉ số năm 2018 kèm theo*).

3. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và phù hợp. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Trung ương, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách để hỗ trợ, tạo điều kiện khai thông nguồn lực, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư tiềm năng.

4. Về công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC: Thực hiện nghiêm túc các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 2809/UBND-NCPC ngày 08/5/2019 về việc chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

5. Thực hiện việc đổi mới, sắp xếp và kiện toàn tổ chức các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2018 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2018 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 22/3/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 653/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện của tỉnh.

6. Hoàn chỉnh các nội dung về vị trí việc làm trong các đơn vị, địa phương làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại đội ngũ CBCCVC các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, giảm số lượng, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu, nhất là bố trí lại những trường hợp không phù hợp với khung năng lực hoặc hiệu quả thấp, có phương án điều chuyển

CBCCVC giữa cấp tỉnh, huyện và xã. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý CBCCVC từ tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm; chú trọng rà soát lại các đơn vị hợp đồng người làm việc trái quy định và có phương án xử lý. Thực hiện đổi mới công tác đánh giá CBCCVC; việc đánh giá phải căn cứ vào kết quả, hiệu quả công tác của CBCCVC gắn với chuyển đổi vị trí công tác.

7. Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về xây dựng Chính quyền điện tử. Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu dùng chung đảm bảo quản lý thống nhất, đồng bộ và kết nối thông suốt từ tỉnh đến huyện, xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực, trong từng đơn vị, địa phương. Đặc biệt là việc ứng dụng và nâng cấp các phần mềm trong hoạt động chỉ đạo, điều hành đảm bảo kết nối liên thông, đồng bộ giữa các hệ thống, thúc đẩy ứng dụng có hiệu quả, thiết thực các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Thực hiện có hiệu quả việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử và gửi nhận văn bản điện tử trong nội bộ các cơ quan hành chính nhà nước, nội bộ của từng đơn vị, địa phương. Thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi, xây dựng mới và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2021. Duy trì và nâng cao hiệu quả của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2008, 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Công khai, minh bạch cơ chế, chính sách, hoạt động của cơ quan, đơn vị, địa phương nhất là trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương; UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công khai thu, chi ngân sách cấp xã theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 31/12/2016 và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính. Kiểm soát chặt chẽ và có giải pháp phòng ngừa hành vi tham nhũng, nhất là trong các lĩnh vực như chi tiêu ngân sách, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh...

9. Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân ngay từ cơ sở, làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền, chất lượng trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; chính quyền địa phương các cấp thực hiện nghiêm quy định tiếp dân hàng tuần, hàng tháng; đồng thời có trách nhiệm giải trình, trả lời người dân trước những vấn đề khúc mắc của địa phương theo thẩm quyền. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn địa bàn các khu dân cư.

10. Tham mưu, đề xuất các sáng kiến, giải pháp mới để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác CCHC; kịp thời khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; phê bình những tập thể, cá nhân thực hiện chưa tốt hoặc có sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

11. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, văn bản chỉ đạo của tỉnh về công tác CCHC sâu rộng trong Nhân dân để Nhân dân nắm bắt đầy đủ, kịp thời, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong tổ chức thực hiện; đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền đảm bảo tính thời sự, chính xác và phù hợp với từng đối tượng, địa bàn.

12. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với nội dung trọng tâm là: Trách nhiệm thực thi công vụ, nhiệm vụ của CBCC, công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng CBCCVC; tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; tình hình tổ chức giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của mình có các hoạt động thiết thực và cụ thể trong việc giám sát, phản biện xã hội... đối với quá trình thực hiện nhiệm vụ và phục vụ người dân, doanh nghiệp của các sở, ban, ngành và UBND các cấp trên địa bàn tỉnh. Kịp thời thông tin, phản ánh đến UBND tỉnh để có những biện pháp chấn chỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thời gian tới.

Yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên, định kỳ báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, PC₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Đặng Quốc Vinh

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ CHỈ SỐ PAR INDEX, SIPAS, PAPI NĂM 2018 TỈNH HÀ TĨNH
(Kèm theo Văn bản số 4119/UBND-PC₁ ngày 25 tháng 6 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Theo kết quả xếp hạng của các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, các chỉ số CCHC của tỉnh Hà Tĩnh năm 2018 đều tăng điểm và tăng hạng, cụ thể:

- Chỉ số PAR INDEX (Chỉ số CCHC) của tỉnh Hà Tĩnh năm 2018 đạt 79,11 điểm xếp thứ 13/63 tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương, tăng 04 bậc so với năm 2017, xếp thứ nhất trong cụm 06 tỉnh Bắc Trung Bộ. Liên tục 07 năm liền (2012-2018) nằm trong nhóm các tỉnh có điểm số trung bình cao cả nước.

- Chỉ số SIPAS (Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước) của tỉnh Hà Tĩnh năm 2018 đạt 92,17% tăng 7,49% so với năm 2017 (Năm 2017 đạt 84,68%). Xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số PAPI (Chỉ số Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh) của tỉnh Hà Tĩnh năm 2018 đạt 46,07/80 điểm xếp thứ 07/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng sau các tỉnh: Lạng Sơn, Bắc Giang, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Tiền Giang; tăng 05 bậc và 7,87 điểm so với năm 2017. Như vậy, liên tục trong 08 năm liền (2011-2018) PAPI Hà Tĩnh đều thuộc nhóm 16 tỉnh, thành phố có điểm số cao nhất cả nước (Năm 2010 xếp thứ 02/32, năm 2011 xếp thứ 05/63, năm 2012 xếp thứ 04/63, năm 2013 xếp thứ 05/63, năm 2014 không xếp hạng, năm 2015 xếp thứ 01/63, năm 2016 xếp thứ 02/63 và năm 2017 xếp thứ 12/63 tỉnh và năm 2018 xếp thứ 07/63 tỉnh, thành phố trong cả nước).

Kết quả cụ thể các chỉ số như sau:

I. CHỈ SỐ PAR INDEX

Năm 2018, Bộ Nội vụ thực hiện đánh giá, chấm điểm PAR INDEX theo Bộ chỉ số mới ban hành kèm theo Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ (thay thế Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017) với nhiều tiêu chí, tiêu chí thành phần mới được bổ sung, thay thế so với các tiêu chí trong Bộ chỉ số cũ.

PAR INDEX gồm đánh giá bên trong của cơ quan (thẩm định của Hội đồng Thẩm định Trung ương) và đánh giá bên ngoài (doanh nghiệp và người dân). Nội dung của Chỉ số được xác định trên 8 lĩnh vực, gồm: Công tác chỉ đạo điều hành CCHC; Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công; Hiện đại hóa hành chính; Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tổng điểm của PAR INDEX là 100 điểm với phương pháp đánh giá: thông qua kết quả tự chấm điểm của địa phương (đánh giá bên trong) với số điểm tối đa là 64,5/100 điểm và kết quả điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài) với số điểm tối đa là 35,5/100 điểm.

Kết quả chỉ số PAR INDEX Hà Tĩnh 2018, cụ thể như sau:

Tổng điểm đánh giá: 79,11/100 điểm, trong đó: Điểm thẩm định: 46,83/60 điểm, Điểm đánh giá tác động: 32,28/40 điểm bao gồm: Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân (SIPAS) đạt: 11,09/12 điểm; Khảo sát lãnh đạo quản lý đạt 17,69/23,5 điểm và Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, đạt 3,5/4,5 điểm).

Điểm cụ thể của từng lĩnh vực như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành: 6,64/9 điểm (xếp thứ 36 trong số các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương, giảm 14 bậc so với năm 2017). Lý do trừ điểm:

- *Tiêu chí: Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm đạt 0,89/ 01 điểm, lý do trừ điểm:*

Một số nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC chưa thực hiện theo Kế hoạch CCHC năm 2018 đề ra như: việc sửa đổi Quyết định 44/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh, thi tuyển công chức, triển khai 400 dịch vụ công...

- *Tiêu chí Chế độ báo cáo CCHC: 1/1,75 điểm, lý do trừ điểm:*

+ Báo cáo tình hình Ứng dụng CNTT quý II, III ban hành muộn so với quy định (- 0,5 điểm).

+ Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng ban hành ngày 15/02/2019 quá hạn so với quy định (-0,25 điểm).

- *Tiêu chí: Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC: 1/2 điểm, lý do trừ điểm:* Các sáng kiến nội dung về sáp nhập các tổ chức không phải là sáng kiến của địa phương, mà là thực hiện theo quy định tại các văn bản của Trung ương vì vậy chỉ chấp thuận 01 sáng kiến đạt yêu cầu.

- *Tiêu chí: Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: 0,5/1 điểm, lý do trừ điểm:*

Theo báo cáo 471/TCT-TTg, ngày 27/12/2018, tỉnh có 01 nhiệm vụ hoàn thành muộn so với thời hạn được giao.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh: 8,65/10 điểm (xếp thứ 21 trong số các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương, tăng 04 bậc so với năm 2017). Lý do trừ điểm.

Tiêu chí: Đánh giá tác động (qua khảo sát điều tra xã hội học) của cải cách chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành (điều tra xã hội học): 3,65/5 điểm.

3. Cải cách thủ tục hành chính: 11,41/13 điểm (xếp thứ 26 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 25 bậc so với năm 2017). Lý do trừ điểm:

- *Tiêu chí: Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC: 0,5/1 điểm, lý do trừ điểm:* Còn một số địa phương niêm yết TTHC chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, nhất là ở cấp xã (ví dụ kết quả kiểm tra CCHC của tỉnh tại huyện Vũ Quang).

- *Tiêu chí: Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị: 0/0,75 điểm, lý do trừ điểm:* Kiểm tra

trực tiếp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (28/3/2019), Sở NN&PTNT chưa cập nhật đầy đủ TTHC trên Cổng DVC. Ví dụ: Thủ tục cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên, vẫn còn dẫn chiếu đến các mẫu đơn, tờ khai và quy định TTHC hết hiệu lực, như Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT của Bộ NN&PTNT, ngoài ra còn nhiều TTHC khác.

- *Tiêu chí: Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh: 0,5/0,75 điểm, lý do trừ điểm:* Kết quả công khai của các huyện Nghi Xuân và Hương Khê đều không đầy đủ đối với cấp xã, số liệu vẫn chỉ có tháng 10, 11, 12 và 03 tháng đầu năm 2019.

- *Tiêu chí: Kết quả giải quyết TTHC: 4,41/4,5 điểm, lý do trừ điểm:*

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn đạt 1,466/1,5 điểm (Tỷ lệ đạt: $76041/77774 = 97,7717489\%$).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 1,45/1,5 điểm (tỷ lệ đạt: $115863/119649 = 96,8357445\%$).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn 0,99/1 điểm (tỷ lệ đạt $671436/675905 = 99,3388124\%$)

4. Cải cách tổ chức bộ máy: 9,24/12 điểm (xếp thứ 20 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảm 07 bậc so với năm 2017). Lý do trừ điểm:

- *Tiêu chí: Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: 0,5/1,5 điểm, lý do trừ điểm:* Cơ quan chuyên môn còn vượt cấp phó, nhiều phòng chuyên môn thuộc sở, ngành có cơ cấu chưa hợp lý như Sở Công Thương, Sở Ngoại vụ.

- *Tiêu chí: Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015: 0,46/1 điểm), lý do trừ điểm:* Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2015: 926; Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2018: 883. Số đơn vị sự nghiệp công lập đã giảm: 43, chiếm 4,64% (*Bộ chỉ số quy định đạt 10% thì điểm tối đa: 01 điểm*)

- *Tiêu chí: Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính (điều tra xã hội học): 3,27/4,5 điểm.*

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức: 10,63/13,5 điểm (xếp thứ 27 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảm 20 bậc so với năm 2017. Lý do trừ điểm:

- *Tiêu chí: Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0/1 điểm, lý do trừ điểm:* Hà Tĩnh chưa được Bộ Nội vụ phê duyệt vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập.

- *Tiêu chí: Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: 0/0,5 điểm, lý do trừ điểm:* Có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật, cụ thể: Cấp tỉnh, cấp huyện: công chức 15 người bị xử lý kỷ luật; 65 viên chức bị xử lý kỷ luật; cấp xã: 27 người bị xử lý kỷ luật.

- *Tiêu chí: Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức (điều tra xã hội học): 1,69/2 điểm.*

6. Cải cách tài chính công: 9,45/12,5 điểm (xếp thứ 28 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 13 bậc so với năm 2017). Lý do trừ điểm:

- Tiêu chí: *Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm: 0,8/1 điểm, lý do trừ điểm:* Tỷ lệ giải ngân năm 2018 của tỉnh đạt 72,5343%.

- Tiêu chí: *Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: 0,5/1 điểm, lý do:* Hà Tĩnh thực hiện đạt 93,9% (Tổng số tiền kiến nghị nộp NSNN: 37,646 triệu đồng. Số tiền đã thực hiện nộp NSNN: 35,331 triệu đồng).

- Tiêu chí: *Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: 0,25/0,5 điểm, lý do:* Ban hành muộn so với quy định.

- Tiêu chí: *Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: 0/0,5 điểm, lý do:* Không ban hành.

- Tiêu chí: *Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg: 0/0,5 điểm, lý do:* Không ban hành.

- *Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công (điều tra xã hội học): 2,9/4 điểm.*

7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước: 8,4/13,5 điểm (xếp thứ 51 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảm 27 bậc so với năm 2017). Lý do trừ điểm:

- Tiêu chí: *Xây dựng Cổng dịch vụ công: 0,5/1 điểm, lý do trừ điểm:* Tỉnh đã có Cổng dịch vụ công, tuy nhiên, hiện chưa đủ căn cứ để đánh giá cổng dịch vụ công của tỉnh đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quyết định số 1697/QĐ-BTTTT.

- Tiêu chí: *Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 0/2,25 điểm, lý do trừ điểm:*

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm: 0/0,25 (tỷ lệ đạt 3,76%, quy định Trung ương).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3: 0/1 điểm (tỷ lệ đạt 11,3%).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4: 0/1 điểm (tỷ lệ đạt 0,09% (1310/13984)).

- Tiêu chí: *Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI): 0,5/1,25 điểm, lý do trừ điểm:*

+ Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: 0/0,25 điểm (chỉ đạt 2,8%).

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: 0/0,5 điểm (chỉ đạt 0,4%).

- *Tiêu chí: Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định: 0,75/1,5 điểm, lý do trừ điểm:*

+ Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định: 0/0,25 điểm (đạt 42,4%).

+ Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định: 0/0,5 điểm (lý do: Còn có một số cơ quan đơn vị chưa thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO).

- *Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính (Điều tra xã hội học): 3,23/4 điểm.*

8. Tác động cải cách đến phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh: 14,59/16,5 điểm (xếp thứ 2 trong các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

8.1. *Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (Chỉ số SIPAS): 11,09/12 điểm.*

8.2 *Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh: 1/2 điểm*

Lý do bị trừ điểm: Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm: 0/1 điểm (8,6%).

II. CHỈ SỐ SIPAS

Năm 2018 là năm thứ hai Bộ Nội vụ tiến hành đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên tất cả 63 tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương với tổng số phiếu phát ra là 33.900 phiếu, trong đó điều tra tại tỉnh Hà Tĩnh là 480 phiếu đối với 06 sở cung ứng nhiều dịch vụ: Tài Nguyên và Môi trường; Giao thông Vận tải; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp; 06 UBND cấp huyện và 18 xã, phường, thị trấn của các huyện: Thành phố Hà Tĩnh, Cẩm Xuyên, Thị xã Hồng Lĩnh, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân.

Kết quả SIPAS của các tỉnh, thành phố chia thành 03 loại: Cao nhất, trung vị, thấp nhất. Chỉ số SIPAS trung bình năm 2018 của các tỉnh, thành phố là 82,99% cao hơn năm 2017 là 2,09%. Khoảng cách giữa tỉnh có kết quả SIPAS cao nhất (tỉnh Sơn La) với tỉnh có kết quả thấp nhất (tỉnh Hà Giang) là 27,9%.

Chỉ số SIPAS của tỉnh Hà Tĩnh năm 2018 đạt 92,17% tăng 7,49% so với năm 2017 (*Năm 2017 đạt 84,68%*). Xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thuộc nhóm cao nhất cả nước, xếp thứ nhất đối với Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính các tỉnh loại II và các tỉnh duyên hải miền Trung năm 2018, cụ thể:

Tỷ lệ người dân hài lòng về tiếp cận dịch vụ 91,42% (xếp thứ 06/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), bình thường 8,05%, không hài lòng chiếm 0,53% so với năm 2017 thì tỷ lệ người dân hài lòng về tiếp cận dịch vụ tăng 8,4%, không hài lòng tăng 0,03% (năm 2017: 0,5%).

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về thủ tục hành chính đạt 95,82% (xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), bình thường 3,71% và không hài lòng chiếm tỷ lệ thấp: 0,47%. So với năm 2017 tỷ lệ hài lòng của người dân,

tổ chức tăng 7,89% (năm 2017: 83,92%) và không hài lòng giảm 0,51% (năm 2017: 0,98%).

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về công chức đạt 93,99% (xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), bình thường 5,4% và không hài lòng chiếm 0,60%. So với năm 2017, tỷ lệ hài lòng tăng 9,02% (năm 2017: 84,96%) và không hài lòng giảm 0,95% (năm 2017: 1,55%).

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về kết quả cung ứng dịch vụ đạt 95,44% (xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), bình thường 4,13% và không hài lòng 0,43%. So với năm 2017, tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức tăng 7,98% (năm 2017: 87,45%),

Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về tiếp nhận, xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị 83,20% (xếp thứ 15/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), bình thường 13,32%, không hài lòng 3,48%. So với năm 2017 tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng tăng 3,35% (năm 2017: 79,84%) và không hài lòng giảm 2% (năm 2017: 5,48%).

Kết quả trên cho thấy, tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2018 tăng trên tất cả các tiêu chí đánh giá so với năm 2017. Đây là một sự ghi nhận, đánh giá cao của người dân trong thời gian qua đối với công tác CCHC của tỉnh nói chung mà đặc biệt là sự chỉ đạo quyết liệt có hiệu quả của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh trong việc thành lập Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công cấp huyện tạo sự đột phá trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

III. CHỈ SỐ PAPI

PAPI năm 2018 được đánh giá trên 08 chỉ số nội dung, 28 chỉ số nội dung thành phần và 128 chỉ tiêu cụ thể; có 02 chỉ số nội dung mới đó là Quản trị môi trường và Quản trị điện tử, 06 chỉ số nội dung còn lại giữ nguyên như năm 2017. Hà Tĩnh có 04 chỉ số nội dung thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có điểm cao nhất cả nước (Tham gia người dân ở cấp cơ sở, Công khai minh bạch, Trách nhiệm giải trình với người dân, Thủ tục hành chính công); 02 chỉ số nội dung thuộc nhóm điểm trung bình cao cả nước (Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, Quản trị điện tử) và 02 chỉ số nội dung thuộc nhóm điểm trung bình thấp cả nước (Cung ứng dịch vụ công và Quản trị môi trường). So với 06 chỉ số nội dung đánh giá của PAPI năm 2017 (02 chỉ số nội dung mới không có so sánh) có 02 chỉ số nội dung tăng vượt bậc đó là “Trách nhiệm giải trình với người dân” (tăng 48 bậc) và “Thủ tục hành chính công” (tăng 27 bậc) so với năm 2017 và 03 chỉ số nội dung: “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”; “Công khai, minh bạch”; “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” đều giảm 3 - 4 bậc so với năm 2017. Riêng chỉ số “Cung ứng dịch vụ công” giảm đến 13 bậc (năm 2017 từ vị trí 27 với 7,11 điểm xuống còn 6,97 điểm, xếp thứ 40 trong cả nước), cụ thể như sau:

1. Chỉ số nội dung: Tham gia người dân ở cấp cơ sở : 5,95/10 điểm xếp thứ 4 toàn quốc sau các tỉnh: Thái Bình, Nghệ An, Vĩnh Phúc; giảm 03 bậc so với năm 2017, vẫn nằm trong nhóm 16 tỉnh, thành phố có điểm cao nhất cả nước.

2. Chỉ số nội dung “Công khai minh bạch” đạt 5,68/10 điểm, xếp thứ 06 toàn quốc, sau các tỉnh: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Quảng Bình, Thái Bình; giảm 3 bậc so với năm 2017, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có điểm cao nhất cả nước.

3. Chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân” đạt 5,54/10 điểm, xếp thứ 3 toàn quốc, sau các tỉnh: Quảng Bình, Thái Nguyên; tăng 48 bậc so với 2017 thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có điểm cao nhất cả nước.

4. Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” đạt 6,60/10 điểm xếp thứ 24 toàn quốc, giảm 04 bậc so với 2017. Thuộc nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước.

5. Chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công” đạt 7,63/10 điểm, xếp thứ 08 toàn quốc, tăng 27 bậc so với năm 2017, thuộc nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất cả nước;

6. Chỉ số “Cung ứng dịch vụ công” đạt 6,97/10 điểm, xếp thứ 40 toàn quốc, giảm 13 bậc so với 2017, thuộc nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp cả nước.

7. Chỉ số “Quản trị môi trường” đạt 4,39/10 điểm, xếp thứ 38 toàn quốc; thuộc nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp cả nước.

8. Chỉ số “Quản trị điện tử” đạt 3,32/10 điểm xếp vị trí thứ 17 toàn quốc, thuộc nhóm tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao cả nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH